

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07-7-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bạc Thị Liên

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc H

Bà Nguyễn Thị L

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Đặng Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên;

Ngày 07 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2026/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 04 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2026/QĐXX-ST ngày 15 tháng 06 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2026/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2026

- **Nguyên đơn:** Chị Lường Thị T- Sinh năm: 2001; Địa chỉ: Bản Cang 2, xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên. Có mặt

- **Bị đơn:** Anh Lù Văn M - Sinh năm: 1994; Địa chỉ: Bản Cang 2, xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/3/2026 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, chị Lường Thị Tâm (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Lù Văn M đăng ký kết hôn ngày 11/4/2019 tại UBND xã Mường P, thành phố Đ (nay là xã Mường Phăng), tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi kết hôn tôi và anh Minh sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn vợ chồng

thường xuyên cãi vã nhau do bất đồng quan điểm sống, hai vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa tôi và anh Minh ngày càng trầm trọng mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên giải quyết việc ly hôn giữa tôi và anh Lù Văn M.

2. Về con chung: Trong quá trình chung sống chúng tôi có 02 người con chung là cháu Lù Long H sinh ngày 24/3/2019, cháu Lù Anh K sinh ngày 11/4/2023. Nguyên vọng của tôi sau khi ly hôn là tôi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Kh cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu H cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng đối với con chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 06/4/2026, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị Lường Thị T cho anh Lù Văn M được biết, giao Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh M. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Thông báo thụ lý vụ án, anh M không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao Thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án hợp lệ cho anh M, nhưng anh M vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 15/6/2026 Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên, tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh M nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa và tiến hành tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Minh đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ tại điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lường Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

Anh Lù Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Bị đơn có địa chỉ tại B 2, xã M, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân khu vực 1- Điện Biên đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177/BLTTDS, việc anh Lù Văn Minh không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70,72/BLTTDS là do anh Minh đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, cho nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: chị Lường Thị T và anh Lù Văn M có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Đ. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị T cùng đơn xác nhận tình trạng hôn nhân cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa 2 người ngày càng trầm trọng mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Bản thân chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị Lường Thị T và giải thoát cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không còn đem lại hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị không dành thời gian chung sống chăm sóc giúp đỡ nhau, theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng hai anh chị không muốn thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại điều luật này do hai anh chị xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, trầm trọng. Bản thân anh Minh không có ý định hàn gắn tình cảm bỏ mặc chị Tâm như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị T. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Lường Thị T xử cho ly hôn chị Lường Thị T và anh Lù Văn M

[3]. Về con chung: Mặc dù anh M vắng mặt tại phiên toà, nhưng xét thấy theo Biên bản hoà giải và thoả thuận ly hôn chia tài sản, con chung của chị Tâm và anh Minh tại Bản C 2, xã M, tỉnh Điện Biên lập ngày 13/10/2025 và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của Lường Thị T, hiện tại cháu Khôi đang sống ổn định với mẹ, cháu H đang sống ổn định với bố và bà nội. HĐXX chấp nhận theo nguyện vọng của chị T và anh M:

Giao cháu Lù Anh K sinh ngày 11/4/2023 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao cháu Lù Long H sinh ngày 24/3/2019 cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4]. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu toà án giải quyết.

[5]. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Tâm phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lường Thị T được ly hôn với anh Lù Văn M.

2. Về con chung: Chị Lường Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lù Anh K sinh ngày 11/4/2023, anh Lù Văn M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lù Long H sinh ngày 24/3/2019 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147/BLTTDS, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị T phải chịu 300.000đ án phí DSST. Chị T đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0000191 ngày 03/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đ. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DB;
- VKSND khu vực 1 – DB;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh DB;
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên

